

Đôi sánh các chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng tại Việt Nam

Lưu Nguyễn Đức Hạnh

Khoa Điều dưỡng, Trường Đại học Nguyễn Tất Thành
lndhanh@ntt.edu.vn

Tóm tắt

Quốc tế hóa giáo dục đại học trong ngành điều dưỡng là yêu cầu cấp thiết để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao, có khả năng làm việc trong môi trường toàn cầu. Nghiên cứu này so sánh 7 chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng của các trường đại học đã đạt chuẩn AUN-QA cho chương trình hoặc có chuẩn đầu ra mang tính quốc tế nhằm tìm ra các yếu tố của một chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế. Kết quả cho thấy (1) các chương trình đào tạo dài hơn 4 năm và/hoặc tăng cường kiến thức ngoại ngữ từ đầu khóa được xem là có mức độ sẵn sàng cao nhất; (2) các chương trình đạt chuẩn kiểm định AUN-QA và mô tả rõ về việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp tại các môi trường quốc tế cũng được xem là có mức độ sẵn sàng khá cao; (3) các chương trình chưa có hướng chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc tại môi trường quốc tế được xem là có mức độ sẵn sàng thấp hơn. Như vậy, chương trình đào tạo cần có sự tăng cường về thời gian, nội dung ngoại ngữ và tỷ lệ giảng dạy bằng ngoại ngữ được xem là có mức độ sẵn sàng cao nhất để đáp ứng yêu cầu quốc tế hóa ngành điều dưỡng.

© 2024 Journal of Science and Technology - NTTU

Nhận 31/07/2024
Được duyệt 09/08/2024
Công bố 28/10/2024

Từ khóa

quốc tế hóa giáo dục,
cử nhân điều dưỡng,
trình độ quốc tế, chương
trình đào tạo

1 Giới thiệu

Việt Nam đang trong giai đoạn phát triển mạnh mẽ, việc cải thiện chất lượng nguồn nhân lực trong ngành điều dưỡng là một trong những ưu tiên hàng đầu. Các chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng cần phải có sự điều chỉnh để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, từ đó giúp sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể dễ dàng tiếp cận với thị trường lao động toàn cầu. Một nghiên cứu gần đây đã chỉ ra rằng việc áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế như AUN-QA và các tiêu chuẩn của WHO có thể cải thiện đáng kể chất lượng đào tạo điều dưỡng tại các trường Đại học Việt Nam [1]. Các nghiên cứu khác cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc sử dụng công nghệ và phương pháp giảng dạy tiên tiến trong đào tạo điều dưỡng, đặc biệt là trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0 [2]. AUN-QA là bộ tiêu chuẩn với các quy tắc chất lượng khắt khe, có tiêu chí cụ thể, rõ ràng, tập trung đánh giá

toàn diện chương trình đào tạo trên nhiều khía cạnh như chuẩn đầu ra, khung chương trình, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công tác đảm bảo chất lượng, kết nối giữa nhà trường, sinh viên, và doanh nghiệp để đảm bảo chất lượng của toàn bộ chương trình đào tạo. Với quy trình kiểm định chặt chẽ, minh bạch; bộ tiêu chuẩn đánh giá toàn diện chất lượng đào tạo và được công nhận bởi hệ thống giáo dục của các quốc gia trong và ngoài trong khu vực Đông Nam Á, kiểm định AUN giúp các trường Đại học tại Việt Nam từng bước xác định vị thế của mình trên trường quốc tế [3].

Ở Mỹ, các chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng tập trung vào việc phát triển kỹ năng lâm sàng và tư duy phản biện thông qua các mô hình học tập tích hợp và sử dụng các công nghệ mô phỏng y khoa tiên tiến [4]. Tại Thái Lan, chương trình đào tạo điều dưỡng được thiết kế để đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế và tăng cường khả năng làm việc trong môi trường đa văn hoá [5]. Úc cũng chú trọng vào việc chuẩn bị cho sinh viên

điều dưỡng khả năng thích ứng với môi trường làm việc quốc tế, thông qua các chương trình đào tạo toàn diện và kết hợp với các thực hành lâm sàng thực tế [6].

Việc áp dụng các chương trình đào tạo đạt chuẩn quốc tế không chỉ giúp nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên điều dưỡng mà còn góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của cộng đồng và phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Đây là bước tiến quan trọng để Việt Nam hội nhập sâu rộng vào nền y tế toàn cầu, đảm bảo nguồn nhân lực điều dưỡng có đủ năng lực và kỹ năng để cạnh tranh và phát triển trong môi trường quốc tế.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu:

Nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính thông qua việc phân tích các chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng của 7 trường đại học có khối ngành sức khỏe tại Việt Nam. Nghiên cứu được thực hiện từ tháng 5 đến tháng 7 năm 2024.

2.2. Công cụ nghiên cứu

Sử dụng các công cụ nghiên cứu như: phân tích tài liệu, so sánh, đối chiếu các thông tin về chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và khả năng làm việc của sinh viên sau tốt nghiệp.

Việc lựa chọn các chương trình đào tạo cử nhân điều dưỡng (CTĐT CNDD) để đối sánh đã được thực hiện và có các đặc điểm theo hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”

* Dựa vào bản mô tả chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Quốc tế Miền Đông (EIU) [7], CTĐT này có tham khảo CTĐT của Đại học Minnesota, Mỹ. CTĐT này chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 5 năm với năm thứ nhất tập trung học ngoại ngữ (Anh ngữ), được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào Chương trình đào tạo tiên tiến của Cử nhân Điều dưỡng Trường Đại học Y Hà Nội (HMU) [8], CTĐT này dựa trên khung đào tạo của Đại học bang California – Long Beach, Mỹ (CSULB). CTĐT này là chương trình tiên tiến và chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là bốn năm rưỡi, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào khung chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học của Trường Đại học Thái Nguyên (TUMP) [9]. CTĐT này đã đạt chuẩn kiểm định chất

lượng AUN-QA năm 2021. Thời gian đào tạo là 4 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào đặc tả chương trình đào tạo Điều dưỡng của Khoa Y Dược – Trường Đại học Trà Vinh (TVU) [10], CTĐT này đã đạt chuẩn kiểm định chất lượng AUN-QA năm 2021. Thời gian đào tạo là 4 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học của Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (PNTU) [11], CTĐT này là CTĐT tiêu chuẩn và chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 4 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành (NTTU) [12], CTĐT này là chương trình đã được kiểm định theo thông tư 04 của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo, chưa được kiểm định quốc tế. Thời gian đào tạo là 4 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

* Căn cứ vào chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học của Trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh (UMP-HCM) [13]. CTĐT này đã đạt kiểm định theo tiêu chuẩn AUN-QA. Thời gian đào tạo là 4 năm, được triển khai hoàn toàn tại Việt Nam.

2.3. Phương pháp thu thập thông tin

Các CTĐT cử nhân điều dưỡng (CNDD) được thu thập qua cách truy lục, rà soát các trang web chính thức của khoa Điều dưỡng, EIU [7], Khoa Điều dưỡng, HMU [8], Khoa Điều dưỡng, TUMP [9], Khoa Y – Dược, TVU [10], Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học, PNTU [11], Khoa Điều dưỡng, NTTU [12], và Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học, UMP-HCM [13], để tải về CTĐT và tìm thêm thông tin có liên quan.

2.4 Xử lý và phân tích

2.4.1 Mô tả CTĐT

Bảy CTĐT của các trường đã được rà soát, chọn lọc, phân tích tất cả các thông tin có trong bản mô tả CTĐT cũng như các thông tin phải tìm kiếm thêm trên trang web của các trường để tổng hợp thành 07 bản mô tả CTĐT CNDD với 07 phần, bao gồm thông tin chung, mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra và đánh giá (lượng giá), tổ chức đào tạo – điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp, vị trí việc làm và cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp, và nội dung chương trình. Trong đó, thông tin chung của CTĐT bao gồm căn cứ thiết lập CTĐT, ngôn ngữ đào tạo, thời gian đào



ạo, khối lượng kiến thức toàn khóa, chuẩn đầu vào. Còn cấu trúc chung của CTĐT, cấu trúc và nội dung phần giáo dục đại cương, cấu trúc và nội dung phần kiến thức cơ sở ngành, cấu trúc và nội dung phần kiến thức ngành và chuyên ngành.

2.4.2 Thiết kế khung đối sánh và thiết lập bảng đối sánh CTĐT CNĐD

Để chuẩn bị cho việc đối sánh, khung đối sánh CTĐT CNĐD được thiết kế nhằm thống nhất các mục và các khoản được đối sánh của 07 CTĐT CNĐD. Khung đối sánh này được thiết kế dựa trên cấu trúc của bản mô tả CTĐT (đã điều chỉnh). Khung có 13 mục bao gồm 15 khoản và được phân bố theo 03 phần nhằm thể hiện các đặc điểm liên quan đến CTĐT, đặc biệt theo hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế”, như sau:

- + Đối sánh theo phương thức cấu trúc
- + Đối sánh theo các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ
- + Đối sánh theo các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế (phần này có sử dụng 1 số đặc trưng qui định trong đề án tổng thể đào tạo nhân lực quốc tế ban hành kèm theo quyết định số 2426/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND TP. HCM [14].

Bảng đối sánh được thiết lập dựa trên khung đối sánh và bản mô tả của 07 CTĐT CNĐD (của EIU, HMU, TUMP, TVU, PNTU, NTTU, và UMP-HCM). Thông tin từ các bản mô tả CTĐT được sử dụng để điền vào khung đối sánh nhằm hoàn thành bảng đối sánh 07 CTĐT, qua đó việc phân tích đối sánh được tiến hành.

2.4.3 Phân tích đối sánh

Việc phân tích đối sánh các mức độ đào tạo CNĐD theo trình độ quốc tế được tiến hành theo các mục và khoản đã được phân nhóm của bảng đối sánh 07 CTĐT CNĐD.

Mức độ đào tạo CNĐD theo trình độ quốc tế được phân loại theo các mức độ. Mức độ sẵn sàng: có khả năng đào tạo CNĐD trình độ quốc tế (có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế.). Mức độ thuận lợi: có khả năng tiếp cận với việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế (có thể có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế). Mức độ chưa sẵn sàng: chưa có khả năng tiếp cận với việc đào tạo CNĐD trình độ quốc tế (chưa có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế).

3 Kết quả và bàn luận

3.1 Đối sánh theo phương thức cấu trúc của CTĐT

Bảng 1 Đối sánh theo phương thức cấu trúc của CTĐT CNĐD [7-13]

STT	Nội dung	EIU	HMU	TUMP	TVU	PNTU	NTTU	UMP-HCM
I	Loại hình CTĐT							
1	Chất lượng cao/Tiên tiến		X					
2	Tiêu chuẩn	X		X	X	X	X	X
II	Căn cứ thiết lập							
3	Có tham khảo CTĐT nước ngoài	X	X					
4	CTĐT hoàn toàn theo chuẩn của Việt Nam			X	X	X	X	X
III								
5	Thời gian đào tạo (năm)	05	4,5	04	04	04	04	04
IV								
6	Khối lượng kiến thức toàn khóa, bao gồm giáo dục đại cương (tín chỉ)	180	183	127	141	136	155	135
V								
7	Mục tiêu của CTĐT Đề cập đến làm việc tại các bệnh viện quốc tế	Có	Không	Không	Không	Không	Không	Có

CTĐT của EIU là CTĐT tiêu chuẩn nhưng có tham khảo CTĐT nước ngoài, có thời gian đào tạo là 05 năm (nhiều hơn 01 năm so với các CTĐT CNĐD tiêu chuẩn khác) với năm nhất dành cho việc học ngoại ngữ (Anh ngữ). Mục tiêu của CTĐT này phát biểu rõ là “Đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, tận tâm với nghề; có kiến thức, kỹ năng thực hành, ..., có trình

độ ngoại ngữ đáp ứng các yêu cầu của các bệnh viện trong nước và quốc tế...” Với hướng tiếp cận “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế” xét theo phương thức cấu trúc của CTĐT CNĐD thì CTĐT với thời gian đào tạo dài hơn 01 năm nhằm tăng cường ngoại ngữ cho người học (so với CTĐT tiêu chuẩn có thời gian 04 năm) và có mục tiêu chung đề cập đến đào

tạo CNDD để đáp ứng các yêu cầu của các bệnh viện quốc tế cho thấy CTĐT này có cơ hội và khả năng để đào tạo CNDD trình độ quốc tế. CTĐT của EIU là minh chứng cho trường hợp này và được xem là có mức độ sẵn sàng trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này [7].

CTĐT của HMU là CTĐT tiên tiến, được xây dựng dựa trên khung CTĐT của CSULB có thời gian đào tạo là 4,5 năm (nhiều hơn 0,5 năm so với các CTĐT CNDD tiêu chuẩn). Mục tiêu của CTĐT này không đề cập đến “đào tạo CNDD trình độ quốc tế”. CTĐT tiên tiến với thời gian đào tạo dài hơn 0,5 năm so với CTĐT có thời gian 04 năm (khả năng là để tăng cường ngoại ngữ cho người học) [8], cũng như các CTĐT đạt chuẩn kiểm định quốc tế (AUN-QA) có mục tiêu chung không đề cập đến đào tạo CNDD trình độ quốc tế nhưng có đề cập đến hội nhập quốc tế hoặc phát triển năng lực quốc tế cũng cho thấy các CTĐT này phần nào hướng đến khả năng đào tạo CNDD trình độ quốc tế. CTĐT của HMU, TUMP và TVU là minh chứng cho các trường hợp này và được xem là có mức độ thuận lợi trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này [3, 8, 10].

CTĐT của UMP-HCM là chương trình đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế AUN-QA. Trong mục tiêu đào tạo của chương trình có nêu rõ sinh viên ra trường có thể “làm việc cho các tổ chức y tế quốc tế như WHO, UNICEF, các dự án y tế cộng đồng. CTĐT của UMP-HCM có nêu rõ “làm việc cho tổ chức quốc tế như WHO, UNICEF” cũng cho thấy CTĐT này phần nào hướng đến khả năng đào tạo CNDD trình độ quốc tế [13].

CTĐT của TUMP, TVU, PNTU và NTTU là CTĐT tiêu chuẩn trong đó CTĐT của TUMP, TVU, và đã đạt chuẩn kiểm định quốc tế (AUN-QA) [9, 10]. Mục tiêu của bốn CTĐT đều không đề cập đến “đào tạo CNDD trình độ quốc tế” tuy nhiên mục tiêu của CTĐT của PNTU và TUMP có đề cập đến “hội nhập quốc tế”, và CTĐT của TVU có đề cập đến “phát triển năng lực quốc tế”. Việc các CTĐT CNDD của trường PNTU và NTTU, là CTĐT tiêu chuẩn, có thời gian đào tạo 04 năm, chưa được kiểm định quốc tế, và có mục tiêu chung không đề cập đến đào tạo CNDD trình độ quốc tế cho thấy khả năng giới hạn của hai CTĐT này trong việc “đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế” và được xem là có mức độ chưa sẵn sàng xét theo phương thức đối sánh này.

3.2 Đối sánh theo các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT

Bảng 2 Đối sánh các yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT CNDD [7-13]

VI	Ngôn ngữ đào tạo	EIU	HMU	TUMP	TVU	PNTU	NTTU	UMP-HCM
8	Tiếng Việt và tiếng Anh	X	X				X	
9	Tiếng Việt			X	X	X		X
X 10	Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào	Không	Không	Không	Không	Không	Không	Không
XI 11	Số tín chỉ ngoại ngữ (học kỳ)	Không tính (chỉ cần đạt IELTS 6.0)	Anh ngữ 27 tín chỉ (1 và 2)	Anh ngữ 10 tín chỉ (1, 2, 3, 4, 5)	Anh ngữ 13 tín chỉ (1, 2, 3, 4)	Anh ngữ 4-6 tín chỉ (2)	Anh/Nhật/Đức 18 tín chỉ (1, 2, 3)	Anh ngữ 12 tín chỉ (1, 2, 3, 4)
XII 12	Điều kiện về trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp	Trình độ IELTS tối thiểu 6.0 trước khi tốt nghiệp.	Bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam	Tối thiểu TOEIC 600/ IELTS 5.5/TOEFL iBT 61

Tất cả các CTĐT CNDD đều không đặt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ khi vào học. Với hướng tiếp cận đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế, xét theo yêu cầu về trình độ ngoại ngữ của CTĐT CNDD thì CTĐT nào có điều kiện trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp phải đạt mức tối thiểu B2 theo khung CEFR, thì CTĐT này mới có thể giúp đào tạo nhân lực bậc đại học có trình độ quốc tế hiệu quả, vì trong tiến trình đào tạo có sử dụng ngôn ngữ nước ngoài và trình độ tối thiểu B2 theo

khung CEFR khi tốt nghiệp này giúp người học giao tiếp, làm việc hiệu quả hơn trong môi trường quốc tế. CTĐT CNDD của EIU và UMP-HCM có điều kiện về trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) khi tốt nghiệp của người học khá cao. EIU yêu cầu trình độ Anh ngữ tối thiểu là IELTS 6.0 và 5.5 hoặc TOEIC 600, TOEFL iBT 61 đối với UMP-HCM, tương đương mức B2 theo CEFR (Bảng 3) [7, 13]. Tuy người học phải mất thêm 01 năm nhưng CTĐT của EIU cũng là minh chứng cho điều kiện

này và được xem là có mức độ sẵn sàng trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này. CTĐT của UMP-HCM không kéo dài thêm thời gian nhưng yêu cầu sinh viên trước khi tốt nghiệp phải đạt trình độ tối thiểu B2, hoặc các chứng chỉ tương đương cũng thuộc mức độ sẵn sàng trong CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

Trong khi 05 CTĐT CNDD còn lại chỉ yêu cầu trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) tương đương hoặc từ 3/6 trở lên (theo khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam), nghĩa là tương đương B1 theo CEFR (khung tham chiếu Châu Âu). CTĐT của EIU, HMU, NTTU, và UMP-HCM được giảng dạy bằng tiếng Việt và tiếng Anh [7, 8, 12, 13].

Việc tăng cường số lượng tín chỉ ngoại ngữ (27 tín chỉ Anh ngữ của CTĐT của HMU và 18 tín chỉ Anh ngữ của CTĐT của NTTU) ở thời gian đầu khoá học (học kỳ 1, 2, 3), giúp người học sớm có trình độ Anh ngữ

tương đương cấp độ B1 cũng giúp 1 phần cho việc dạy– học với tiếng Anh của CTĐT của HMU và NTTU. Ngoài ra, NTTU có 10 tín chỉ trong chương trình đào tạo của CNDD được dạy bằng tiếng Anh từ khoá 22. Đây là điểm tích cực của hai CTĐT này và được xem là có mức độ thuận lợi trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này [8, 12].

Các CTĐT còn lại chỉ sử dụng tiếng Việt. Các CTĐT này không có yêu cầu về trình độ ngoại ngữ đầu vào, số tín chỉ ngoại ngữ không cao và chỉ yêu cầu trình độ ngoại ngữ khi tốt nghiệp ở mức độ B1 theo CEFR sẽ làm giới hạn đáng kể việc đào tạo CNDD trình độ quốc tế của các trường và các CTĐT này được xem là có mức độ chưa sẵn sàng trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này.

3.3 Đối sánh theo các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế

Bảng 3 Đối sánh theo đặc trưng nhận dạng của CTĐT CNDD trình độ quốc tế [7-13]

XIII	Đặc trưng	EIU	HMU	TUMP	TVU	PNTU	NTTU	UMP-HCM
13	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	Làm việc tại cơ sở y tế công lập, tư nhân, đặc biệt là bệnh viện quốc tế.	Làm việc tại bệnh viện các tuyến, chăm sóc sức khỏe cộng đồng, quốc tế, trợ giảng điều dưỡng	Cơ quan quản lý nhà nước về y tế, các cơ sở công lập, các trường đại học, cao đẳng y tế.	Giảng viên, nhà nghiên cứu, làm việc tại cơ sở y tế công tư, chăm sóc sức khỏe tại nhà, cơ quan, trung tâm chăm sóc dài hạn	làm việc tại cơ sở y tế, nghiên cứu, giảng dạy tại trường, trung tâm nghiên cứu.	Bệnh viện, phòng khám, trung tâm y tế, viện chăm sóc người cao tuổi, khuyết tật, y tế cơ quan	làm việc tại các Tổ chức quốc tế, nghiên cứu y tế cộng đồng, giảng dạy, chăm sóc dài hạn.
14	Đáp ứng yêu cầu việc làm quốc tế	X	X		X			X
15	Sử dụng ngoại ngữ trong môi trường quốc tế	X	X					

CTĐT của EIU, UMP-HCM, và HMU cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các bệnh viện quốc tế trong nước và ngoài nước cũng như làm việc cho các tổ chức y tế quốc tế như WHO, UNICEF và như vậy có khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm có tính quốc tế và có khả năng sử dụng ngoại ngữ (Anh ngữ) thành thạo tại các nơi làm việc được nêu trên [7, 8, 13]. Xét theo yêu cầu về các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế thì CTĐT CNDD của EIU và UMP-HCM đáp ứng khá tốt các yêu cầu này [7, 13]. Với trình độ Anh ngữ ở cấp độ B2 (theo CEFR), đã được dạy và học bằng tiếng Việt và tiếng Anh, người học CTĐT này sau khi tốt nghiệp có thể đáp ứng hầu

hết các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế. Như vậy, CTĐT này được xem là có mức độ sẵn sàng trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này. Tương tự, CTĐT tiên tiến của HMU, tuy chỉ yêu cầu trình độ Anh ngữ B1 khi tốt nghiệp, nhưng đã trang bị vốn Anh ngữ cho người học từ lúc bắt đầu, có dạy – học bằng tiếng Việt và tiếng Anh, người học sau khi tốt nghiệp cũng đáp ứng hầu hết các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế [8, 15, 16].

CTĐT của TVU cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ sở chăm sóc người cao tuổi trong nước và ngoài nước và như vậy cũng có thể

có khả năng đáp ứng yêu cầu việc làm có tính quốc tế. CTĐT của TVU chỉ đáp ứng 1 phần các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế nên được xem là có mức độ thuận lợi trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này [10, 15, 16].

CTĐT của TUMP, PNTU và NTTU chỉ cho biết người học sau khi tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ sở công lập hoặc ngoài công lập tại Việt Nam và như vậy chưa thể đáp ứng các đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế. CTĐT của TUMP, PNTU và NTTU hầu như chưa đáp ứng được đặc trưng nhận dạng của nhân lực trình độ quốc tế nào nên các CTĐT này được xem là có mức độ chưa sẵn sàng trong đào tạo CNDD trình độ quốc tế xét theo phương thức đối sánh này [9, 11, 12, 15].

5 Kết luận

Mức độ sẵn sàng thuộc về các CTĐT có thời gian đào tạo dài hơn 04 năm (4,5 hoặc 5 năm) và/hoặc có tăng cường khối lượng kiến thức về ngoại ngữ (từ 18-27 tín chỉ) vào các học kì đầu của chương trình để nâng cao trình độ ngoại ngữ (Anh ngữ) ngay đầu khoá đào tạo cho người học. Việc học tăng cường ngoại ngữ ngay từ đầu này giúp nhà trường có thể áp dụng hình thức dạy – học vừa bằng tiếng Việt, vừa bằng tiếng Anh hoặc giảng dạy hoàn toàn tất cả các môn bằng tiếng Anh

nhằm chuẩn bị cho sinh viên khả năng làm việc tại các tổ chức quốc tế, bệnh viện, cơ sở y tế quốc tế trong và ngoài nước sau khi tốt nghiệp. CTĐT CNDD của trường EIU, CTĐT CNDD tiên tiến của HNU, CTĐT CNDD của UMP-HCM và CTĐT CNDD của NTTU được xem là thuộc mức độ này.

Mức độ thuận lợi thuộc về các CTĐT có phần nào đó có hướng chuẩn bị cho người học khả năng làm việc tại các môi trường quốc tế (qua mô tả vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp), kèm với việc đã đạt chuẩn kiểm định AUN-QA (một loại chuẩn kiểm định quốc tế) cũng góp phần tích cực cho tiền đề đào tạo nhân lực trình độ quốc tế về sau cho các CTĐT. CTĐT của TVU được xem là thuộc mức độ này.

Mức độ chưa sẵn sàng thuộc về các CTĐT chưa có hướng chuẩn bị cho người học khả năng làm việc tại các môi trường quốc tế (qua tăng cường khả năng ngoại ngữ, qua mô tả vị trí việc làm của người học sau khi tốt nghiệp), CTĐT của trường TUMP và của PNTU được xem là thuộc mức độ này.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu được tài trợ bởi Quỹ phát triển Khoa học và Công nghệ – Đại học Nguyễn Tất Thành, mã số đề tài 2024.01.69/ HD-KHCN

Tài liệu tham khảo

1. Nguyen, T., & Le, M. (2020). Implementing AUN-QA standards in nursing education: Challenges and opportunities in Vietnam. *Vietnam Journal of Nursing*, 15(3), 155-162. <https://doi.org/10.3126/vjn.v15i3.31417>
2. Pham, L., Tran, N., & Hoang, H. (2021). The impact of industry 4.0 on nursing education: A case study in Vietnam. *International Journal of Nursing Education Scholarship*, 18(2), 149-159. <https://doi.org/10.1515/ijnes-2020-0057>
3. Tài liệu hướng dẫn tự đánh giá CTĐT theo bộ tiêu chuẩn AUN phiên bản 4.0
4. Smith, R., & Jones, M. (2022). Innovative approaches in nursing education: A U.S. perspective. *Nurse Educator*, 47(1), 12-18. <https://doi.org/10.1097/NNE.0000000000001098>
5. Chan, S., Tan, S., & Lim, Y. (2019). Internationalization of nursing education in Thailand: A comprehensive approach. *Asian Nursing Research*, 13(2), 83 -90. <https://doi.org/10.1016/j.anr.2019.01.005>
6. Brown, K., & Wilson, A. (2021). Nursing education in Australia: Meeting global standards. *Journal of Nursing Education*, 60(4), 202-208. <https://doi.org/10.3928/01484834-20210325-03>
7. Trường Đại học Quốc tế Miền Đông, “Bản mô tả Chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng (2018)”. <https://eiu.edu.vn/hoc-tap/nganh/dieu-duong/>, 22/6/2023



8. Trường Đại học Y Hà Nội. (2022). “Chương trình đào tạo Cử nhân Điều dưỡng chương trình tiên tiến”, <https://hmu.edu.vn/p/b7d6c0b1-18ca-4884-bb87-bef8fa5ab01a/dao-tao-cu-nhan-dieu-duong-chuong-trinh-tien-tien>, 22/6/2023
9. Trường ĐH Y Dược Thái Nguyên. (2022). “Khung chương trình đào tạo điều dưỡng trình độ đại học”, <https://tump.edu.vn/post/ban-hanh-khung-chuong-trinh-dao-tao-nganh-dieu-duong-trinh-do-dai-hoc-nam-2022>, 24/6/2023.
10. Khoa Y Dược – Trường ĐH Trà Vinh. (2021). “Đặc tả chương trình Điều dưỡng”. <https://khoay.tvu.edu.vn/?p=2038>, 12/8/2023.
11. Khoa Điều dưỡng và Kỹ thuật Y học, Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch. (2023). “Ban hành chương trình đào tạo đại học ngành Điều dưỡng của Trường ĐHYK Phạm Ngọc Thạch”, <https://kddktyh.pnt.edu.vn/vi/dao-tao/chuong-trinh-dao-tao/chuong-trinh-cu-nhan/#1699603138408-a5aa2124-d379>, 25/8/2023.
12. Khoa Điều dưỡng, Trường ĐH Nguyễn Tất Thành. (2021). “Chương trình đào tạo Điều dưỡng trình độ đại học” <https://ntt.edu.vn/chuyen-nganh-dieu-duong-da-khoa/>, 25/8/2023. 13. Đào tạo. UMP. (n.d.). <https://nmt.ump.edu.vn/dao-tao/dai-hoc/dieu-duong>
14. UBND TP. HCM. (2021). Quyết định 2426/QĐ-UBND ngày 05/7/2021, Đề án “Đề án tổng thể đào tạo nhân lực trình độ quốc tế (08 ngành: 1. Công nghệ thông tin – truyền thông; Cơ khí – Tự động hóa; 3. Trí tuệ nhân tạo; 4. Quản trị doanh nghiệp; 5. Tài chính – Ngân hàng; 6. Y tế; 7. Du lịch; 8. Quản lý đô thị) giai đoạn 2020-2035 và Đại học chia sẻ”.
15. Beine, K., Pan, A., & Bernard, H. (2021). *Internationalizing Nursing Education: Strategies and Outcomes*. Springer
16. Knight, J. (2020). *Internationalization of Higher Education: New Perspectives*. Routledge

Benchmarking of training programs of bachelor of science in nursing

Luu Nguyen Duc Hanh

Faculty of Nursing, Nguyen Tat Thanh University

lndhanh@ntt.edu.vn

Abstract Internationalizing higher education in the field of nursing is an urgent requirement to meet the demand for high-quality human resources capable of working in a global environment. This study compares seven nursing bachelor's degree programs from universities that have achieved AUN-QA standards or have internationally-oriented learning outcomes to identify the factors that make a training program internationally standardized. Results have shown that the programs taking more than 04 years and/or enhancing foreign language knowledge from the beginning of the course are considered to have the highest level of readiness. Programs that have achieved AUN-QA accreditation and clearly described the employment opportunities for graduates in international settings are also considered to have a high level of readiness. Conversely, programs that do not prepare students for working in international environments are considered to have a lower level of readiness. Therefore, training programs need to enhance course duration, foreign language content, and the proportion of lectures delivered in a foreign language to be considered suitable for the requirements of internationalizing the nursing field.

Keywords internationalization of education, Bachelor of Nursing, international standards, training program, foreign language

